

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15- 4- 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thò Bá Tênh

Ông Trần Đình Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị L Th P, sinh năm 1979. Có đơn xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Bản B, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh L V Th, sinh năm 1976. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Bản B, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nộp ngày 29 tháng 01 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị L Th P trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị L Th P và anh L V Th tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 1997. Chị Ph và anh Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 02 tháng 4 năm 2004

trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ bắt đầu từ năm 2009, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Th nghiện ma túy, năm 2013 anh Th được đưa đi cai nghiện bắt buộc, nhưng sau khi trở về địa phương anh không chịu sửa chữa lại tiếp tục tái nghiện, đến năm 2015 anh lại tiếp tục bị bắt đi cai nghiện đến năm 2017 thì anh cai nghiện xong trở về địa phương. Chị Ph vì con mà hàn gắn với lại anh Th, nhưng anh không chịu sửa chữa chưởi bới, đánh đập, chị Ph không dám về nhà. Bản thân chị Ph không thể tiếp tục cuộc hôn nhân, nên có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Ph và anh Th có 02 con chung là L Y Ng, sinh ngày 05/6/2000 và cháu L V S, sinh ngày 04/12/1997 hiện các cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh L V Th trình bày:

- Tình cảm: Anh Th và chị L Th P tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 1997. Anh Th và chị Ph đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 02 tháng 4 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, vợ chồng sống tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc cãi vã nhau, xúc phạm nhau, nhưng anh Th rất yêu thương gia đình, yêu vợ yêu con, nên anh không đồng ý ly hôn, muốn chị Ph suy nghĩ lại cuộc hôn nhân này.

- Con chung: Anh Th và chị Ph có 02 con chung là L Y Ng, sinh ngày 05/6/2000 và cháu L V S, sinh ngày 04/12/1997 hiện các cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Th P cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị L Th P

được ly hôn với anh L V Th; Về con chung: Cháu L Y Ng, sinh ngày 05/6/2000 và cháu L V S, sinh ngày 04/12/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V Th có hộ khẩu thường trú tại bản B, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th P và bị đơn anh L V Th thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh Th kết hôn với nhau vào năm 1997 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2004, tại số 12, quyển số 01 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh Th trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, anh Th nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Ph và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Ph là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Con chung: Chị Ph và anh Th có 02 con chung là L Y Ng, sinh ngày 05/6/2000 và cháu L V S, sinh ngày 04/12/1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Ph và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Chị L Th P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th P được ly hôn với anh L V Th.

2. Con chung:

- Giao cháu L Y Ng, sinh ngày 05/6/2000 và cháu L V S, sinh ngày 04/12/1997 đã trưởng thành, nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Ph và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị L Th P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007315 ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND xã Ng M;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ái

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 28/4/2024

Hội đồng xét xử sơ thẩm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Lê Nguyễn Mạnh Cường

Lương Thị Ái

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Lê Nguyễn Mạnh Cường

Lương Thị Ái

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 10 phút, ngày 21 tháng 12 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thò Bá Tềnh và ông Nguyễn Mạnh Cường.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2024, về
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

1. Nguyên đơn: Chị L Th P, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: Bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh L V Th. Sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Bản Huồi Tố 2, xã Mai Sơn, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh
tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L Th P.

Biểu quyết: 3/3

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Biểu quyết: 3/3

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th P được ly hôn với anh L V Th.

Biểu quyết: 3/3

2. Con chung:

- Giao cháu Vi Thị Quỳnh, sinh ngày 18/8/2010 cho anh L V Th chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Giao cháu Vi Thị Khánh Huyền sinh ngày 13/8/2013 cho chị L Th P chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Coóng, anh Thái

- Chị Coóng, anh Thái có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Biểu quyết: 3/3

3. Án phí: Chị L Th P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0010551 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Biểu quyết: 3/3

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21 tháng 12 năm 2024. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 12 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thò Bá Tềnh Nguyễn Mạnh Cường

Lương Thị Ái

